TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Hồng Thái

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ L trình bày: bà và Ông Võ Văn B chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2016, do Ông B thường hay bạo hành gia đình, thường xuyên đánh đập bà, cuộc sống trở nên căng thẳng và không thể hàn gắn được. Do đó, từ cuối năm 2016, bà đã về nhà mẹ ruột ở và sống ly thân với Ông B cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với Ông Võ Văn B.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là Võ Thị Q (giới tính: Nữ), sinh năm 1997 và Võ Văn H (giới tính: Nam), sinh năm 2000. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, chưa yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn Ông Võ Văn B trình bày: Ông thống nhất ly hôn với bà L vì ông bà mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là Võ Thị Q, (giới tính: Nữ), sinh năm 1997 và Võ Văn H (giới tính: Nam), sinh năm 2000. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông yêu cầu bà L phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để lo cho các con. Do khi bà L đi khỏi nhà, bà L có lấy theo số tiền tích góp chung của vợ chồng ông bà là 291.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 24k (tương đương 19.500.000 đồng), việc bà L lấy số tiền nêu trên chỉ có vợ chồng ông bà biết, ngoài ra không còn ai biết. Ông đã nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án, tuy nhiên, hiện nay, ông chưa có tiền nên chưa nộp tạm ứng án phí được. Do bà L chưa trả tiền cho ông nên ông không đồng ý ký tên để ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông B đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện bà L phải trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Võ Văn B nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2*] Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn Ông Võ Văn B cư trú tại khu vực 1, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Mỹ L và Ông Võ Văn B đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào năm 2004. Do đó, hôn nhân giữa bà L và Ông B là hợp pháp. Bà L yêu cầu ly hôn với Ông B là do Ông B thường hay bạo hành gia đình, thường xuyên đánh đập bà, bà đã tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa, Ông B cũng thừa nhận có đánh bà L. Do đó, từ cuối năm 2016, bà L đã về nhà mẹ ruột ở và sống ly thân với Ông B cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và Ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được, đồng thời Ông B cũng đồng ý ly hôn với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L ly hôn với Ông B là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* quá trình chung sống có 02 con chung là Võ Thị Q (giới tính: Nữ), sinh năm 1997 và Võ Văn H (giới tính: Nam), sinh năm 2000. Hiện nay các con đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung, Ông B có đơn yêu cầu ngày 11/3/2019 yêu cầu bà L phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để ông lo cho các con. Ngày 11/3/2019, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và tống đạt hợp lệ cho Ông B. Tuy nhiên, Ông B không nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn quy định nên Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu cho Ông B. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu chia tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] *Về nợ chung:* Bà L và Ông B trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà L phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều192, Điều 195 và Điều 202 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L được ly hôn với Ông Võ Văn B.

2. Về con chung: đã trưởng thành và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ *(ba*

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0020170 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà L không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Hồng Thái **Nguyễn Thanh Liêm** **Huỳnh Xuân Tình**